

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở VÙNG NAM BỘ¹

ThS. Lê Thị Hường
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích một số nét văn hóa và biến đổi văn hóa truyền thống, trong đó nhấn mạnh đến văn hóa Phật giáo của người Khơ-me ở vùng Nam Bộ hiện nay, làm cơ sở cho việc xây dựng các kiến nghị, giải pháp bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa mới.

Từ khóa: Khơ-me, văn hóa, văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, biến đổi văn hóa.

Abstract: This article focuses on examining the features and changes of the traditional culture of the Khmer in the Southern region. It emphasizes the Buddhism culture in the Khmer community. This article presents some recommendations to solutions of traditional culture preservation and promotion as well as constructing a new cultural life.

Keywords: Khmer, culture, material culture, spiritual culture, cultural change.

Ngày nhận bài: 16/9/2020; ngày gửi phản biện: 5/10/2020; ngày duyệt đăng: 29/11/2020

Mở đầu

Vùng biên giới Việt Nam - Campuchia có chiều dài 1.137km, đi qua 10 tỉnh của Việt Nam là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang. Là nơi cư trú lâu đời của 9 dân tộc tại chỗ thuộc các nhóm ngôn ngữ khác nhau ở nước ta gồm Ê-đê, Gia-rai, Ba-na, Mnông, Giẻ-Triêng, Xtiêng, Khơ-me, Chăm và Kinh (Việt), trong đó người Khơ-me cư trú trải dài trên 5 tỉnh Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ (Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang). Là tộc người có dân số đông, có mối quan hệ với đồng tộc đông đảo ở bên kia biên giới, trải qua quá trình sinh sống lâu dài, người Khơ-me vùng biên giới Việt Nam - Campuchia đã tạo dựng nên các giá trị văn hóa phong phú và độc đáo, có sự giao lưu, biến đổi qua thời gian, tạo nên bản sắc văn hóa tộc người đặc trưng ở vùng biên. Tính độc đáo của văn hóa và bản sắc văn hóa Khơ-me vùng biên đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, nhất là dân tộc học. Trong bối cảnh phát triển bền vững và công nghiệp

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Cơ sở năm 2020: “Tổng quan nghiên cứu văn hóa của các tộc người thiểu số ở hai vùng biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia” do Viện Dân tộc học chủ trì, ThS. Lê Thị Hường và ThS. Lục Mạnh Hùng làm đồng chủ nhiệm.

hóa, hiện đại hóa hiện nay, nghiên cứu văn hóa và biến đổi văn hóa Khơ-me vùng biên giới Việt Nam - Campuchia có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

1. Sự cải biến trong văn hóa vật chất của người Khơ-me

Nhà ở truyền thống của người Khơ-me có hai loại là nhà sàn và nhà đất. Ngôi nhà sàn đến đầu thập niên 1990 gần như không còn nhiều, chỉ thấy xuất hiện ở vùng ngập nước của huyện Tri Tôn, Châu Phú (tỉnh An Giang), huyện Mộc Hóa (tỉnh Long An) và rải rác trong một số phum, sóc dọc biên giới Việt Nam - Campuchia (Phan Thị Yến Tuyết, 1993, tr. 127). Ở An Giang, nhà sàn tuy vẫn còn, nhưng đã cải biến, chắp vá giữa kiến trúc xưa và nay (Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 16). Riêng ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang, nhà sàn truyền thống còn tương đối nguyên bản, là nhà nhỏ 3 gian, làm bằng cột cây đước, cây tràm, lợp lá dừa nước hoặc lá chằm đốt, vách thưng bằng vật liệu hoặc trát bằng rơm bùn (Nguyễn Văn Thắng, 2010, tr. 56). Nhà đất là kiểu nhà truyền thống phổ biến hiện nay. Kiến trúc nhà đất của người Khơ-me đơn giản, phù hợp với thiên nhiên phóng khoáng và phản ánh đặc tính chất phác, không coi trọng nơi ở mà coi trọng chùa chiền (Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười, 2016, tr. 93). Đó là ngôi nhà có kiến trúc thô sơ, thuộc kiểu nhà đất bán kiên cố, nóc mái, không chái hoặc có chái, lợp lá dừa hay lá thốt nốt, khung gỗ hay tre, rui mè và vách bằng tre. Ở một số nơi xuất hiện nhà đúc kiên cố nhiều tầng của những gia đình có điều kiện kinh tế khá giả (Phan Thị Yến Tuyết, 1993, tr. 136-140; Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 16). Tại sóc Tà Ngáo (ấp Phú Tâm, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang) chỉ còn ít nhà sàn truyền thống, phần lớn là nhà đất xây gạch, lợp ngói xi măng hoặc lá thốt nốt và nhà kiên cố, mái đổ bê tông, giống kiểu nhà của người Việt (Vương Xuân Tình, 2014, tr. 121). Nhìn chung, nhà ở của người Khơ-me hiện nay đã thay đổi theo hướng nhà đất là chính, tiếp thu nhiều kiến trúc hiện đại, nhưng vẫn kế thừa một số kiểu dáng và kiến trúc truyền thống, gắn với thiên nhiên và hòa vào thiên nhiên (Đoàn Thanh Nô, 2002, tr. 149).

Nói đến văn hóa Khơ-me là nói đến văn hóa Phật giáo (dòng Tiểu thừa Nam tông) nên không thể không nói đến chùa và kiến trúc chùa chiền Phật giáo. Trong các phum, sóc của người Khơ-me, ngôi chùa không chỉ là trung tâm tôn giáo, mà còn là trung tâm xã hội và văn hóa của cộng đồng, nơi chứng kiến nhiều trọng sự đời người từ khi sinh ra đến khi từ biệt cõi trần (Trần Văn Ánh, 1997, tr. 66; Phan Đăng Nhật, 2005, tr. 156). Với mọi người dân Khơ-me, ngôi chùa cộng đồng có phần thân thiết hơn ngôi nhà ở và việc xây dựng chùa chiền còn quan trọng hơn xây nhà. Trong ngôi chùa Khơ-me, đặc trưng kiến trúc nổi bật là bộ mái ba cấp của ngôi điện chính, nơi thể hiện nhiều nhất và tập trung nhất những điêu khắc, trang trí, hội họa đặc trưng phản ánh bản sắc và triết lý của Phật giáo,... Theo truyền thống, toàn bộ kinh phí xây chùa do Phật tử trong cộng đồng đóng góp. Theo thời gian, quy mô chùa ngày càng rộng lớn, cảnh quan chùa ngày càng khang trang, kiến trúc chùa ngày thêm độc đáo, vừa phản ánh tâm thế Phật giáo Nam tông, vừa phản ánh tâm thế tộc người Khơ-me sông nước. Bên cạnh những ngôi chùa mới, khang trang, ở một số nơi vẫn còn những ngôi chùa

cũ nát, đã xuống cấp, chưa được trùng tu, do điều kiện kinh tế của người dân còn khó khăn (Vũ Đình Mười, 2016, tr. 90-91).

Trang phục là giá trị văn hóa vật chất nổi bật của người Kơ-me. Với người Kơ-me, trang phục không chỉ thỏa mãn nhu cầu mặc mà còn thể hiện yếu tố thẩm mỹ, tín ngưỡng và tâm linh. Nữ phục truyền thống Kơ-me cầu kỳ với nhiều sắc màu sặc sỡ. Nam giới lớn tuổi có trang phục truyền thống đặc trưng là chiếc *sam pốt*, thường mặc vào dịp lễ hội truyền thống với tông màu vàng, thể hiện không khí hội hè và cũng là màu chủ đạo trong triết lý của Phật giáo, thường gặp ở các ngôi chùa Phật giáo (Phan Thị Yến Tuyết, 1993, tr. 149; Vương Xuân Tình - Vũ Đình Mười, 2016, tr. 93). Do quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa, trang phục truyền thống đã mai một, nam giới và phụ nữ Kơ-me chuyển dần sang mặc trang phục phổ thông giống người Việt cận cư. Ngày thường, nam giới, nữ giới tuổi trung niên mặc quần áo bà ba đen như người Việt, nhưng trên đầu quần khăn rằn kẻ ô vuông đặc trưng Kơ-me. Ngày lễ, nam giới mặc áo sơ mi, quần âu; phụ nữ mặc áo dài đen, kín tà, quần ống rộng màu đen, đầu quần chiếc khăn trắng. Phụ nữ Kơ-me ở một số vùng biên giới như Tri Tôn, Hòn Đất - Kiên Lương mặc các loại *sam pốt*, khăn có in hoa lá sặc sỡ, mua từ Campuchia để phân biệt với các tộc người khác và tiện việc qua lại biên giới. Thanh niên Kơ-me ở An Giang cũng mặc áo sơ mi có màu sặc sỡ và quần âu vào dịp lễ tết. Khi ở nhà họ mặc áo sơ mi mỏng, quần xà rộng hoặc chần dẹt, trong khi ở Kiên Giang một số ít thanh niên còn mặc xà rộng (Phan Thị Yến Tuyết, 1993, tr. 149; Đoàn Thanh Nô, 2002, tr. 110; Viện Dân tộc học, 2014, tr. 128). Hiện nay, người Kơ-me thường mặc trang phục truyền thống vào các dịp đi lễ chùa, lễ hội, đám cưới, đám ma, biểu diễn văn nghệ (Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 17; Vương Xuân Tình, 2014, tr. 119).

Văn hóa ẩm thực của người Kơ-me cũng khá phong phú và là đối tượng được quan tâm của nhiều nghiên cứu. Ngày thường, người Kơ-me có các món ăn phổ biến được chế biến từ gạo nếp như cơm, cháo, xôi, bánh và từ các loại thực phẩm, thủy sản như rau, tôm, cá. Vào dịp lễ tết, người Kơ-me có các loại bánh tét, bánh ú, bánh chưng, bánh chuối,... Đặc biệt, bún nước lèo là món ăn được ưa thích và không thể thiếu trong ngày mùng một tết ở chùa. Khi chế biến các món ăn, gia vị người Kơ-me ưa thích nhất là nước cốt dừa. Người Kơ-me có nhiều nghi lễ trong năm, mỗi nghi lễ lại có những loại món ăn khác nhau nên nhìn vào mâm cỗ cúng có thể nhận biết đó là nghi lễ gì. Đồ uống phổ biến được ưa thích mang tính tộc người của người Kơ-me là rượu thốt nốt, dùng trong các dịp lễ, tết (Phan Thị Yến Tuyết, 1993, tr. 163-165; Viện Dân tộc học, 2014, tr. 128). Văn hóa ẩm thực của người Kơ-me ở An Giang có đặc trưng riêng, thích ứng với cảnh quan môi trường và địa bàn rừng núi, với các món ăn chế biến từ thịt thú rừng, cá suối, rau, măng, củ, quả rừng, trong đó, món ăn có vị chua từ lá giang, ngô, nho rừng được người dân đặc biệt ưa thích. Nhiều món ăn mang tính riêng khác là mắm bò hóc, canh xiêm lo, canh thốt nốt non, các loại bún nước cá, bún mắm, các loại bánh thốt nốt, bánh khọt, rượu thốt nốt, đường thốt nốt,... (Nguyễn Văn

Lữ, 2007, tr. 17; Nguyễn Văn Thắng, 2010, tr. 56). Do sống gần và chịu ảnh hưởng của người Việt nên hiện nay trong văn hóa ẩm thực của người Khơ-me có thêm các món ăn được chế biến từ thịt vịt như khịa, lẩu (Vương Xuân Tinh, 2014, tr. 121).

2. Sự tiếp nhận những yếu tố mới trong văn hóa tinh thần của người Khơ-me

Phật giáo là tôn giáo chính từ lâu in đậm dấu ấn trong đời sống vật chất qua hình ảnh ngôi chùa, đặc biệt thấm đượm trong đời sống tinh thần của người Khơ-me Nam Bộ nói chung và người Khơ-me vùng biên giới Việt Nam - Campuchia nói riêng. Phần lớn người Khơ-me theo Phật phái Mahanikai (phái lớn). Đầu thế XX, Phật phái Nam tông nhỏ hơn là Thommadut được truyền từ Campuchia sang Việt Nam, chủ yếu ở các tỉnh vùng biên như An Giang, Kiên Giang. Trong quá khứ và hiện nay, Phật giáo Nam tông có vai trò hết sức to lớn, tạo nên hồn cốt trong đời sống văn hóa nói chung, đời sống tinh thần nói riêng của người Khơ-me (Vương Xuân Tinh, 2014, tr. 126). Vai trò đó thể hiện và được phản ánh qua các khía cạnh khác nhau của đời sống nghi lễ, phong tục tập quán, hội họa, sân khấu, văn học,... Như đã giới thiệu, chùa là công trình tôn giáo cộng đồng, được xây dựng bởi công sức, tiền của toàn thể cộng đồng phum, sóc. Tính cộng đồng trong xây dựng chùa phản ánh tâm thức Phật giáo của người dân, là cách thiết thực để tu nhân, tích đức theo giáo lý và triết lý nhà Phật của các tín đồ Phật tử. Chùa còn là nơi gửi gắm vong linh tổ tiên, cũng là nơi đào tạo học vấn, văn hóa ứng xử trong cuộc sống hàng ngày của người dân. Mỗi người Khơ-me, trước tuổi trưởng thành đều có nhiều năm sống và học tập trong chùa. Chùa giống như trường đại học trong cuộc đời mỗi con người. Do vậy, việc đóng góp cho nhà chùa, chăm lo cho các nhà sư được coi là bổn phận, trách nhiệm của người dân. Với người Khơ-me, chùa là nơi “sống gửi của, chết gửi cốt” nên có vị trí quan trọng bậc nhất trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng (Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 22; Vũ Đình Mười, 2016, tr. 103, 105, 107).

Bên cạnh Phật giáo như là tôn giáo tộc người, người Khơ-me vẫn duy trì tín ngưỡng truyền thống - tín ngưỡng đa thần, trong đó được thờ cúng nhiều nhất là hai vị thần Arāk và Neak Tà. Thần Arāk phù hộ cho cá nhân, gia đình, dòng họ; thần Neak Tà bảo hộ cho cộng đồng phum sóc, giống như thành hoàng làng của người Kinh. Người Khơ-me thường cúng các vị thần này ở đồng ruộng, nơi có gốc cây to để cầu thần phù hộ cho mùa màng tốt tươi, vợ chồng mới cưới xin được bình an, hạnh phúc (Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 20). Ngoài ra, người Khơ-me còn có các lễ cúng ông bà cha mẹ, cúng các ông tổ nghề như *rô băm*, *dù kê*,... Một số nơi người Khơ-me còn duy trì nhiều lễ cúng khi xây dựng nhà mới. Song, các hoạt động và nghi lễ tín ngưỡng dân gian hiện nay đã mờ nhạt dần do vai trò thay thế của Phật giáo (Đoàn Thanh Nô, 2002).

Trong kho tàng văn hóa tinh thần, người Khơ-me vùng biên giới Nam Bộ có nhiều lễ, lễ tết và lễ hội truyền thống, là giá trị văn hóa tộc người đặc sắc (Vương Xuân Tinh - Vũ Đình Mười, 2016, tr. 94). Gồm có lễ tết và lễ hội cộng đồng phản ánh tín ngưỡng dân gian như lễ Chol chnam thmay, lễ Đolta, lễ hội đua bò, lễ hạ điền, lễ Ók om bók; và các lễ hội

Phật giáo như lễ Phật đản, lễ nhập hạ (vào hè), lễ ra hạ (ra hè), lễ dâng y, lễ kết giới, các nghi lễ liên quan đến vòng đời người như lễ cắt tóc trả ơn mẹ, lễ cúng căn, lễ giáp tuổi, lễ đi tu, lễ cưới, lễ tang... (Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 25, 26). Lễ tết và lễ hội thường được tổ chức ở chùa, nghi lễ được tổ chức ở gia đình, đều là dịp để mọi người cúng lễ, chúc phúc, mời nhau ăn những món ngon nhất. Buổi tối, thường có các trò chơi như đốt pháo thăng thiên, thả đèn, hát *dù kê*,... (Vương Xuân Tình, 2014, tr. 123). Trong lễ hội của người Kơ-me, Phật giáo và tín ngưỡng dân gian không mâu thuẫn nhau, mà thường có sự hòa trộn, giao thoa với nhau. Lễ hội tôn giáo trong chùa Kơ-me góp phần làm phong phú kho tàng lễ hội truyền thống Kơ-me nói riêng và Việt Nam nói chung, tăng cường tính cố kết cộng đồng, cố kết xã hội, xây dựng xã hội ổn định để phát triển kinh tế. Lễ hội tôn giáo và tín ngưỡng mang lại sự cân bằng đời sống tâm linh cho người dân, giúp con người tích phước, hướng thiện và hướng về cội nguồn, cũng góp phần bảo tồn di sản và trao truyền những giá trị văn hóa dân tộc (Võ Văn Thắng, Nguyễn Hùng Cường, Nguyễn Thị Ngọc Thơ, 2015, tr. 17, 19, 20). Trong văn hóa tinh thần, đời sống tôn giáo có vai trò quyết định và lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng là biểu hiện tập trung của vai trò đó (Vương Xuân Tình - Vũ Đình Mười, 2016, tr. 95; Võ Văn Thắng, Nguyễn Hùng Cường, Nguyễn Thị Ngọc Thơ, 2015, tr. 19). Dù theo đạo Phật, nhưng là cư dân nông nghiệp, nên nghi lễ nông nghiệp là nghi lễ và sinh hoạt tinh thần không thể thiếu của người Kơ-me. Người Kơ-me thực hành các nghi lễ nông nghiệp theo định kỳ và không định kỳ. Thông qua các nghi lễ này, nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống của người Kơ-me ở vùng Tây Nam Bộ được duy trì, bảo lưu (Nguyễn Thành Trung - Hà Thị Thùy Dương, 2015, tr. 95-102).

Tuy chịu tác động của nhiều yếu tố bên ngoài, nhưng hiện nay các làn điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ truyền thống được người Kơ-me ở huyện Tri Tôn (tỉnh An Giang) và tỉnh Kiên Giang được bảo tồn, lưu giữ khá tốt. Ca múa nhạc dân gian đã và đang là phần không thể thiếu trong các dịp cưới xin, lễ tết, hội hè (Nguyễn Văn Lữ, 2007, tr. 24; Nguyễn Diệp Mai, 2006, tr. 571). Người Kơ-me ở Kiên Giang và một số nơi khác còn duy trì, trình diễn hai dàn nhạc cụ đặc trưng là dàn *Plênh-xiêm* và dàn *Plênh-xe*. *Plênh-xe* là dàn nhạc cụ dân gian, khác với *Plênh-xiêm* là dàn nhạc cụ của nhà chùa. Dàn *Plênh-xe* gồm nhiều nhạc cụ thuộc bộ dây, hơi, gõ. Tính đa dạng về nhạc cụ giúp cho dàn nhạc cụ này có âm vực và tiết tấu đa dạng hơn, phong phú hơn, lay động hơn so với dàn nhạc *Plênh-xiêm* của nhà chùa. Ngày nay, do ảnh hưởng âm nhạc hiện đại, dàn nhạc dân gian của người Kơ-me đang mất dần tính truyền thống. Một số dàn nhạc đưa thêm nhạc cụ điện tử để tăng cường âm thanh. Song, những bản nhạc gốc vẫn được giữ gìn và truyền lại cho thế hệ sau, trở thành loại âm nhạc đặc trưng riêng của tộc người này (Nguyễn Diệp Mai, 2003, tr. 14-16). Các loại hình nghệ thuật mang tính đặc trưng của người Kơ-me Nam Bộ là những đóng góp đặc sắc vào kho tàng âm nhạc cổ truyền như *rô băm* và *dù kê* đã từng rất phát triển, kết tinh nhiều giá trị văn hóa độc đáo (Vương Xuân Tình - Vũ Đình Mười, 2016, tr. 94). Văn học dân gian của người Kơ-me gồm nhiều thể loại phong phú, tiêu biểu là các ghi chép trên lá buông, được

lưu trữ ở chùa, các *Xátra lbeng* ghi chép về các hội hè, trò chơi dân gian; các *Xátra tes* ghi chép về Phật thoại và kinh Phật, dùng để gặp thăm khi các nhà sư thuyết pháp trong các lễ lớn. Từ thế kỷ XX, xuất hiện các tác phẩm văn học viết của người Khơ-me với sự thay đổi về nội dung và chủ đề, tiếc rằng chưa được sưu tầm đúng mức (Viện Dân tộc học, 2014, tr. 142-143).

Kết luận

Khơ-me là tộc người thiểu số có dân số lớn ở Việt Nam, cư trú tập trung ở các tỉnh Nam Bộ, trong đó có một bộ phận cư trú ở 5 tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Campuchia. Do có vai trò và vị thế đặc biệt, văn hóa Khơ-me được giới khoa học quan tâm nghiên cứu, tập trung làm sáng tỏ thực trạng và biến đổi văn hóa vật chất cũng như văn hóa tinh thần truyền thống, đặc biệt văn hóa Phật giáo Nam tông. Bên cạnh những kết quả đáng khích lệ, vẫn còn những khoảng trống như chưa có những nghiên cứu chuyên khảo về văn hóa, còn thiếu vắng các nghiên cứu về xây dựng đời sống và thiết chế văn hóa mới, chưa có những nghiên cứu sâu về tác động của yếu tố biên giới đến văn hóa, còn trống vắng các kiến nghị, giải pháp bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Trọng Ân (2000), “Đời sống văn hóa ở phum sóc”, *Tạp chí Văn hóa các dân tộc*, Số 1+2, tr. 46-47.
2. Hoàng Thị Lan (2014), “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể của người Khơ-me khu vực Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 9, tr. 76-93.
3. Nguyễn Văn Lữ (2007), *Những nghi lễ vòng đời chủ yếu của người Khơ-me xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
4. Nguyễn Diệp Mai (2003), “Dàn nhạc dân gian người Khơ-me ở Kiên Giang”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 3, tr. 14-16.
5. Nguyễn Diệp Mai (2006), “Một số điệu múa dân gian của người Khmer trong lễ tết ở Kiên Giang”, trong: *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Văn hóa dân gian 2005*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 563-571.
6. Vũ Đình Mười (2018), “Dân tộc Khơ-me”, trong Vương Xuân Tình (Chủ biên), *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập 3: Nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ-me*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Phan Đăng Nhật (2005), “Đội ngũ và thiết chế văn hóa chùa Khơ-me truyền thống đối với việc xây dựng văn hóa phum sóc ngày nay”, trong: *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Văn hóa dân gian 2004*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 156-163.
8. Đoàn Thanh Nô (2002), *Người Khmer ở Kiên Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

9. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)* (Tái bản, có bổ sung), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Thắng (2010), “Bản sắc của người Khơ me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 52-58.
11. Võ Văn Thắng, Nguyễn Hùng Cường, Nguyễn Thị Ngọc Thơ (2015), “Lễ hội tôn giáo của người Khơ me Tây Nam Bộ - Nhìn từ góc độ giá trị”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, Số 371, tr. 16-20.
12. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Vương Xuân Tình - Vũ Đình Mười (Đồng chủ biên, 2016), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam - Nghiên cứu tại vùng Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Phan Thị Yên Tuyết (1993), *Nhà ở, trang phục và ăn uống của các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Nguyễn Thành Trung, Hà Thị Thùy Dương (2015), “Nghĩ lễ nông nghiệp của người Khơ me vùng Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 2 (87), tr. 95-104.